



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP - CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP - CƠ KHÍ
VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 41
8. Phụ lục 01	42
9. Phụ lục 02	43 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm được thành lập trên cơ sở chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp - đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Lương thực Long An thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4438/QĐ/BNN - TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100664038, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 02 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 29, Nguyễn Thị Bày, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An.
- Điện thoại : (84-272) 3.521.212 - 3 820.509
- Fax : (84-272) 3.521.252

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ	Số 04, Cừ Luyện, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An
Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	Số 28, Cao Văn Lầu, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An
Xí nghiệp Xây lắp - Cơ khí	Số 27, Võ Ngọc Quận, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng về lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản và đầu tư hạ tầng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, nông sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng thực phẩm;
- Sản xuất máy móc thiết bị chế biến lương thực thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí các loại;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất nông sản hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;
- Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Bình Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Hoàng Nhữ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Văn Lộc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Võ Hùng Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Văn Lệt	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Hoàng Thị Liên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Bày	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thị Yên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Lê Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Vĩnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Bình Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Cho	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Trường Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

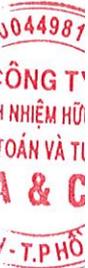
Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay Ban Tổng Giám đốc,



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2020



Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0314/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 26 tháng 02 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1



Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.871.579.193	117.970.017.448
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.564.316.399	1.575.070.024
1. Tiền	111		5.564.316.399	1.575.070.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.210.550.636	42.934.718.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.693.748.930	42.963.785.435
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.574.223.500	7.602.103.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	521.064.881	37.770.253
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.578.486.675)	(7.668.940.675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		90.096.712.158	73.327.687.730
1. Hàng tồn kho	141	V.6	90.096.712.158	73.327.687.730
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	132.541.181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	132.541.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.235.661.184	57.155.501.949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		90.200.000	90.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	90.200.000	90.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.592.211.984	51.753.841.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	45.592.211.984	51.753.841.204
- Nguyên giá	222		114.962.353.393	115.201.515.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.370.141.409)	(63.447.674.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		737.803.229	737.803.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.803.229)	(737.803.229)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.553.249.200	5.311.460.745
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	4.410.360.967	5.021.110.927
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.142.888.233	290.349.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.107.240.377	175.125.519.397

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.264.972.331	57.469.977.069
I. Nợ ngắn hạn	310		61.901.972.331	56.842.977.069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.576.986.945	17.951.962.001
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	7.910.779.130	8.448.723.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.566.345.444	980.964.402
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.255.669.586	2.185.284.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	217.450.355	90.609.256
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	841.199.728	536.119.970
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	35.842.829.574	25.298.461.055
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	374.811.909	240.808.679
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	315.899.660	1.110.044.073
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		363.000.000	627.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	363.000.000	627.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.842.268.046	117.655.542.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		118.842.268.046	117.655.542.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	(31.818.182)	(31.818.182)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	965.585.066	4.118.066
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	10.130.121.162	9.904.862.444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.349.660	9.904.862.444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.114.771.502	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.107.240.377	175.125.519.397

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020


Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởngLê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	416.778.843.656	547.585.505.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	65.674.502	84.913.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		416.713.169.154	547.500.591.932
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	362.931.245.110	492.228.486.048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.781.924.044	55.272.105.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	247.424.075	275.843.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.426.862.296	3.227.444.248
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.393.004.865	3.198.143.316
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	14.916.230.697	18.215.433.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.034.962.897	23.301.796.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.651.292.229	10.803.274.492
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.324.079.549	1.834.117.216
12. Chi phí khác	32	VI.9	155.000.000	115.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		1.169.079.549	1.719.117.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.820.371.778	12.522.391.708
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.595.200.276	2.511.074.402
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.225.171.502</u>	<u>10.011.317.306</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>775</u>	<u>758</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>775</u>	<u>758</u>


 Nguyễn Thị Thanh Phụng
 Người lập


 Trần Thị Phượng
 Kế toán trưởng

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020


 Lê Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		444.534.746.109	588.939.590.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(384.476.220.854)	(525.274.791.905)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.316.540.898)	(40.962.060.751)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(4.393.004.865)	(3.198.143.316)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(2.501.074.402)	(2.030.215.022)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.649.155.463	16.962.580.899
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.588.597.813)	(44.549.148.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.908.462.740	(10.112.188.322)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.10	(1.552.552.600)	(3.577.765.431)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.8	252.596.364	227.000.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	35.994.926	81.548.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.263.961.310)	(3.269.216.643)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	329.597.952.568	371.281.117.006
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(319.053.584.049)	(352.655.411.747)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(7.199.595.784)	(8.040.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.344.772.735	10.585.705.259
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.989.274.165	(2.795.699.706)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.575.070.024	4.370.769.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(27.790)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.564.316.399	1.575.070.024

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

315-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
ĐỒ CHÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các loại mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực thực phẩm, nông nghiệp và sản phẩm cơ khí các loại;
- Sản xuất bê tông tươi, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ	Số 04, Cừ Luyện, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An
Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	Số 28, Cao Văn Lầu, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An
Xí nghiệp Xây lắp - Cơ khí	Số 27, Võ Ngọc Quận, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 371 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 370 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm chương trình phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Chi phí liên quan đến việc san lấp mặt bằng của Văn phòng Công ty và Xưởng Xây lắp - Cơ khí. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 15 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

15-C
TY
HỮU H
TƯ V
C
VỐ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.093.641.000	416.429.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.470.675.399	1.158.641.024
Cộng	5.564.316.399	1.575.070.024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.078.489.610	10.638.328.032
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	99.990.000	5.920.617.345
Công ty Lương thực Long An	407.839.960	2.398.888.687
Công ty Bột mì Bình Đông	166.375.000	211.893.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	404.284.650	1.993.175.800
Công ty Lương thực Vĩnh Long	-	113.753.200
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	33.615.259.320	32.325.457.403
Các khách hàng khác	33.615.259.320	32.325.457.403
Cộng	34.693.748.930	42.963.785.435

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	7.524.103.500	7.524.103.500
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	7.524.103.500	7.524.103.500
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	50.120.000	78.000.000
Các nhà cung cấp khác	50.120.000	78.000.000
Cộng	7.574.223.500	7.602.103.500

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	102.000.000	-	37.000.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.846.476	-	-	-
T And T Supermarket Inc - Phải thu tiền hàng nhận ủy thác	344.294.300	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.924.105	-	770.253	-
Cộng	521.064.881	-	37.770.253	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Bên liên quan</i>		7.524.103.500	-	7.524.103.500	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang - Trả trước tiền mua hàng	Trên 03 năm	7.524.103.500	-	7.524.103.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức khác		3.176.657.175	2.122.274.000		144.837.175	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thông tin Gol - Trả trước tiền mua hàng	Trên 03 năm	34.000.000	-	Trên 03 năm	34.000.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Điền Mãi - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	33.483.175	-	Trên 03 năm	33.483.175	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hà Thành - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	42.000.000	-	Trên 03 năm	42.000.000	-
Công ty Suất ăn Công nghiệp Nguyễn Huỳnh - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	35.354.000	-	Trên 03 năm	35.354.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Hiếu - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến 01 năm	201.105.000	140.773.500		-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng B.S.B - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến 01 năm	125.610.000	87.927.000		-	-
Công ty Cổ phần Socon Việt Nam - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến 01 năm	1.290.075.000	903.052.500		-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Và Dịch vụ Cơ khí Huệ Tấn - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến 01 năm	645.120.000	451.584.000		-	-
Chi Nhánh 3 Công ty TNHH An Hưng Nông- Nhà máy Liên kết Sản phẩm Nông sản sạch - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến 01 năm	769.910.000	538.937.000		-	-
Cộng		10.700.760.675	2.122.274.000		7.668.940.675	-



Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.668.940.675	7.668.940.675
Trích lập dự phòng bổ sung	909.546.000	-
Số cuối năm	8.578.486.675	7.668.940.675

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	66.151.500.516	-	38.483.548.232	-
Công cụ, dụng cụ	817.168.788	-	796.303.832	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.494.249.169	-	1.912.192.126	-
Thành phẩm	17.371.764.480	-	30.134.924.446	-
Hàng hóa	1.167.819.690	-	1.886.311.166	-
Hàng gửi đi bán	94.209.515	-	114.407.928	-
Cộng	90.096.712.158	-	73.327.687.730	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (xem thuyết minh số V.17).

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	36.112.956.536	43.677.181.451	33.409.656.856	2.001.720.365	115.201.515.208
Mua trong năm	-	383.636.364	-	-	383.636.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	316.377.821	-	-	316.377.821
Thanh lý, nhượng bán	-	(829.176.000)	(110.000.000)	-	(939.176.000)
Số cuối năm	36.112.956.536	43.548.019.636	33.299.656.856	2.001.720.365	114.962.353.393
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.591.817.364	8.021.376.060	3.324.707.755	981.643.686	26.919.544.865
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.684.564.980	22.880.535.749	14.371.377.602	1.511.195.673	63.447.674.004
Khấu hao trong năm	974.384.628	2.407.404.418	3.239.822.089	153.249.000	6.774.860.135
Thanh lý, nhượng bán	-	(742.392.730)	(110.000.000)	-	(852.392.730)
Số cuối năm	25.658.949.608	24.545.547.437	17.501.199.691	1.664.444.673	69.370.141.409
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.428.391.556	20.796.645.702	19.038.279.254	490.524.692	51.753.841.204
Số cuối năm	10.454.006.928	19.002.472.199	15.798.457.165	337.275.692	45.592.211.984
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp theo sổ sách lần lượt là 33.879.528.131 VND và 16.559.525.527 VND (xem thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An: nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp theo sổ sách lần lượt là 8.416.886.849 VND và 1.621.550.569 VND (xem thuyết minh số V.17).

8. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	375.018.500	362.784.729	737.803.229
Số cuối năm	375.018.500	362.784.729	737.803.229
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	375.018.500	362.784.729	737.803.229
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	375.018.500	362.784.729	737.803.229
Số cuối năm	375.018.500	362.784.729	737.803.229
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.021.110.927	5.223.049.414
Nhập kho thành phẩm, nguyên vật liệu	(610.749.960)	(201.938.487)
Cộng	4.410.360.967	5.021.110.927

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là công trình Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu được thực hiện theo Hợp đồng thi công công trình xây dựng số 1112/2014/HĐTC-BB ngày 11 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty Việt Hưng") với liên doanh Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm - Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc Gia. Công trình này tạm ngưng thi công theo Công văn số 37/CV-CT ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Công ty Việt Hưng để phục vụ cho công tác kiểm tra về trình tự, thủ tục, tiến độ và giá trị thực hiện dự án của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (đơn vị chủ sở hữu hơn 70% vốn góp của Công ty Việt Hưng). Ngày 28 tháng 3 năm 2019, Công ty đã gửi công văn số 2803/CV-LD đến Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn và Công ty Việt Hưng để giải quyết và xử lý tồn đọng của công trình. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi của chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình bờ kè - Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí	-	466.838.247	-	-	466.838.247
Công trình thay cối xát, lắp bù đài và hầm liệu phân xưởng 1 - Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	4.781.679	311.596.142	(316.377.821)	-	-
Công trình máy tách màu Satake, bồn chứa nguyên liệu máy 3 và bồn chứa thành phẩm máy 4 phân xưởng 1 - Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	285.568.139	270.234.330	-	-	555.802.469
Công trình khác	-	701.504.759	-	(581.257.242)	120.247.517
Cộng	290.349.818	1.750.173.478	(316.377.821)	(581.257.242)	1.142.888.233

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	38.630.790
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	38.630.790
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	11.576.986.945	17.913.331.211
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Đức Toàn	2.264.722.800	2.466.100.300
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Thành Nam	2.920.024.450	3.480.669.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Thành Phát	1.513.186.922	1.357.627.087
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tổng hợp Tre Xanh	-	2.890.800.000
Các nhà cung cấp khác	4.879.052.773	7.718.134.324
Cộng	11.576.986.945	17.951.962.001

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	96.000.000
Công ty Lương thực Long An	-	96.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	7.910.779.130	8.352.723.499
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng (*)	5.431.695.000	5.431.695.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	876.536.400	-
Công ty TNHH MTV Tân Phú	1.105.378.300	1.253.538.000
Các khách hàng khác	497.169.430	1.667.490.499
Cộng	7.910.779.130	8.448.723.499

(*) Khoản trả trước của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng liên quan đến công trình Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.031.459.030	(1.537.703.862)	493.755.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.074.402	2.595.200.276	(2.501.074.402)	1.025.200.276
Thuế thu nhập cá nhân	49.890.000	362.732.003	(365.232.003)	47.390.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	675.266.817	(675.266.817)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	980.964.402	5.670.658.126	(5.085.277.084)	1.566.345.444

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp	Không chịu thuế
- Sản phẩm xuất khẩu	0%
- Sản phẩm gạo bán cho đối tượng không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã	05%
- Sản phẩm khác (bê tông, bao bì,...)	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.820.371.778	12.522.391.708
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	155.629.601	32.980.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	12.976.001.379	12.555.372.009
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.595.200.276	2.511.074.402

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Quỹ lương năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản hỗ trợ khách hàng	51.330.355	50.609.256
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	166.120.000	40.000.000
Cộng	<u>217.450.355</u>	<u>90.609.256</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	405.449.513	454.993.713
Công ty TNHH Thực phẩm Anh Duy - Phải trả tiền hàng ủy thác	344.549.318	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	91.200.897	81.126.257
Cộng	<u>841.199.728</u>	<u>536.119.970</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.842.829.574	25.298.461.055
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽ⁱ⁾	34.844.760.090	23.998.461.055
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽ⁱⁱ⁾	998.069.484	1.300.000.000
Cộng	<u>35.842.829.574</u>	<u>25.298.461.055</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà kho, nhà xưởng và nhà văn phòng tại Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An của Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH703763; công trình nhà làm việc và nhà kho tại Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An của Văn phòng Công ty theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 218258 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An cấp) và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh (xem thuyết minh số V.6 và V.7).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản tại Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BX 368096 và BX 368098 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An cấp) và tại Xí nghiệp Cơ khí (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BX 368094 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An cấp); một số phương tiện vận tải; các hợp đồng mua bán giữa Công ty với các khách hàng; và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh (xem thuyết minh số V.6 và V.7).



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.298.461.055	6.672.755.796
Số tiền vay phát sinh	329.597.952.568	371.281.117.006
Số tiền vay đã trả	<u>(319.053.584.049)</u>	<u>(352.655.411.747)</u>
Số cuối năm	<u>35.842.829.574</u>	<u>25.298.461.055</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	240.808.679	440.776.284
Tăng do trích lập	497.339.451	360.364.581
Số sử dụng	<u>(73.254.631)</u>	<u>(132.696.618)</u>
Số hoàn nhập	<u>(290.081.590)</u>	<u>(427.635.568)</u>
Số cuối năm	<u>374.811.909</u>	<u>240.808.679</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	877.234.673	1.009.540.000	2.230.000	(1.816.943.000)	72.061.673
Quỹ phúc lợi	106.620.036	432.660.000	-	(295.442.049)	243.837.987
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	126.189.364	286.250.000	-	(412.439.364)	-
Cộng	<u>1.110.044.073</u>	<u>1.728.450.000</u>	<u>2.230.000</u>	<u>(2.524.824.413)</u>	<u>315.899.660</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	64.668.000.000	64.668.000.000
Các cổ đông khác	<u>43.110.380.000</u>	<u>43.110.380.000</u>
Cộng	<u>107.778.380.000</u>	<u>107.778.380.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.777.838	10.777.838
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.777.838	10.777.838
- Cổ phiếu phổ thông	10.777.838	10.777.838
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.777.838	10.777.838
- Cổ phiếu phổ thông	10.777.838	10.777.838
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 26/NQ-ĐHĐCĐ.MCF ngày 12 tháng 6 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 7.199.595.784
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 961.467.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.728.450.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản nhận giữ hộ

Gạo 20% tấm với số lượng cuối năm là 106.479 kg (số đầu năm là 95.971 kg).

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 2.911,30 USD (số đầu năm là 3.272,72 USD).

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Doanh nghiệp tư nhân Nhân Trí với số tiền 10.978.100 VND đã được xử lý do doanh nghiệp này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.386.357.731	3.100.198.651
Doanh thu bán thành phẩm	409.295.053.239	539.626.390.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.097.432.686	4.858.916.335
Cộng	<u>416.778.843.656</u>	<u>547.585.505.021</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần		
Bán thành phẩm	1.443.662.850	130.951.174.612
Công ty Lương thực Long An		
Bán thành phẩm	4.360.391.070	10.115.240.455
Cung cấp dịch vụ	450.820.000	557.135.400

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Lương thực Đồng Tháp</i>		
Bán thành phẩm	-	427.490.800
Cung cấp dịch vụ	-	4.500.000
<i>Công ty Bột mì Bình Đông</i>		
Bán thành phẩm	1.568.091.000	3.444.347.000
<i>Công ty Lương thực Tiền Giang</i>		
Bán thành phẩm	-	667.115.000
Cung cấp dịch vụ	8.750.000	2.020.778.482
<i>Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt</i>		
Bán thành phẩm	1.055.295.500	3.599.854.920
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco</i>		
Bán thành phẩm	12.600.000	8.140.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang</i>		
Bán thành phẩm	-	530.692.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	1.518.182
<i>Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang</i>		
Bán thành phẩm	1.018.962.100	56.569.200
Cung cấp dịch vụ	-	3.385.000
<i>Công ty Lương thực Bạc Liêu</i>		
Bán thành phẩm	68.204.000	-
<i>Công ty Lương thực Vĩnh Long</i>		
Bán thành phẩm	505.389.600	103.412.000
<i>Công ty Lương thực Trà Vinh</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.000.000	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Kim Sơn</i>		
Cung cấp dịch vụ	10.300.000	-
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định</i>		
Bán thành phẩm	-	155.976.000
<i>Công ty Lương thực Bến Tre</i>		
Cung cấp dịch vụ	850.000	-
<i>Công ty Lương thực Sóc Trăng</i>		
Bán thành phẩm	-	103.309.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	48.095.832	-
Hàng bán bị trả lại	13.233.400	38.465.104
Chiết khấu thương mại	4.345.270	46.447.985
Cộng	<u>65.674.502</u>	<u>84.913.089</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.923.869.104	1.404.223.679
Giá vốn của thành phẩm đã bán	356.822.775.658	486.856.207.287
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.881.758.272	3.872.447.097
Giá trị hàng tồn kho mất mát	260.663.829	87.492.827
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	42.178.247	8.115.158
Cộng	<u>362.931.245.110</u>	<u>492.228.486.048</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.994.926	81.548.787
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	211.429.149	194.294.521
Cộng	<u>247.424.075</u>	<u>275.843.308</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.393.004.865	3.198.143.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	31.488.325	11.320.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.369.106	17.980.301
Cộng	<u>4.426.862.296</u>	<u>3.227.444.248</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	225.178.500	220.696.950
Chi phí vật liệu, bao bì	4.110.215.761	5.089.324.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.120.115.109	2.097.771.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	7.524.637.655	9.800.496.561
Các chi phí khác	936.083.672	1.007.143.899
Cộng	<u>14.916.230.697</u>	<u>18.215.433.790</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.630.904.748	18.563.762.041
Chi phí vật liệu quản lý	237.405.466	282.837.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.527.148	404.347.328
Thuế, phí và lệ phí	787.460.817	773.955.286
Dự phòng phải thu khó đòi	909.546.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.398.873	1.306.753.571
Các chi phí khác	2.921.719.845	1.970.140.557
Cộng	<u>23.034.962.897</u>	<u>23.301.796.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	165.813.094	223.000.001
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	290.081.590	427.635.568
Thu nhập do hàng thừa	823.114.770	928.102.452
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng	23.636.364	240.000.000
Thu nhập khác	21.433.731	15.379.195
Cộng	<u>1.324.079.549</u>	<u>1.834.117.216</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	100.000.000
Chi phí bồi thường	150.000.000	-
Chi phí khác	5.000.000	15.000.000
Cộng	<u>155.000.000</u>	<u>115.000.000</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.225.171.502	10.011.317.306
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.765.840.000)	(1.728.450.000)
Chi thù lao HĐQT không chuyên trách	(110.400.000)	(110.400.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.348.931.502	8.172.467.306
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm ^(*)	10.777.838	10.777.838
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>775</u>	<u>758</u>

(*) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.777.838	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế	-	2.777.838
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>10.777.838</u>	<u>10.777.838</u>

10b. Thông tin khác

Năm trước Công ty tính toán Lãi trên cổ phiếu chưa trừ trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thù lao HĐQT không chuyên trách, Lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do tính toán lại. Việc điều chỉnh này làm cho Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 929 VND xuống còn 758 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.478.529.197	574.447.381.129
Chi phí nhân công	41.976.249.898	42.365.694.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.774.860.135	6.602.827.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.862.092.791	28.341.012.531
Chi phí khác	6.953.218.288	5.005.976.644
Cộng	<u>574.044.950.309</u>	<u>656.762.892.304</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.221.370.700	2.251.605.800
Tiền thưởng, phụ cấp	683.639.365	439.293.000
Cộng	<u>2.905.010.065</u>	<u>2.690.898.800</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Lương thực Sông Hậu	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bạc Liêu	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Bột mì Bình Đông	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Tiền Giang	Công ty cùng Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Sóc Trăng	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Vĩnh Long	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bến Tre	Công ty cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến Thành - Mũi Né	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lương thực Cambodia - VN	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Cơ sở Nuôi cá ở khóm Long Trị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc Hoàng Long	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần		
Chia cổ tức	4.319.822.400	4.824.000.000
Phí giao nhận và ủy thác xuất khẩu	-	258.874.748
Công ty Lương thực Long An		
Mua nguyên vật liệu	8.283.000.000	-
Công ty Lương thực Sông Hậu		
Mua hàng hóa, thành phẩm	392.204.000	52.808.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang		
Mua thành phẩm	127.967.400	-
Công ty Lương thực Trà Vinh		
Mua thành phẩm	-	184.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Lương thực Tiền Giang		
Mua hàng	39.140.000	36.105.545
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco		
Mua hàng hóa	3.651.450	-

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.11, và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí, bê tông tươi.
- Lĩnh vực lương thực thực phẩm: sản xuất và kinh doanh sản phẩm gạo.
- Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, mặt hàng mỹ nghệ được làm từ thân cây lú.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.564.316.399	-	-	-	5.564.316.399
Phải thu khách hàng	31.551.091.755	-	-	3.142.657.175	34.693.748.930
Các khoản phải thu khác	509.264.881	-	-	-	509.264.881
Cộng	37.624.673.035	-	-	3.142.657.175	40.767.330.210
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.575.070.024	-	-	-	1.575.070.024
Phải thu khách hàng	42.852.948.260	-	-	110.837.175	42.963.785.435
Các khoản phải thu khác	90.970.253	-	-	-	90.970.253
Cộng	44.518.988.537	-	-	110.837.175	44.629.825.712

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	11.576.986.945	-	-	11.576.986.945
Vay và nợ	35.842.829.574	-	-	35.842.829.574
Các khoản phải trả khác	654.416.570	363.000.000	-	1.017.416.570
Cộng	48.074.233.089	363.000.000	-	48.437.233.089

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm</u> <u>đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	17.951.962.001	-	-	17.951.962.001
Vay và nợ	25.298.461.055	-	-	25.298.461.055
Các khoản phải trả khác	171.735.513	627.000.000	-	798.735.513
Cộng	43.422.158.569	627.000.000	-	44.049.158.569

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ (USD) của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.911,30	3.272,72
Phải thu khách hàng	216.251,41	447.781,30
Các khoản phải thu khác	14.900,00	-
Các khoản phải trả khác	(14.834,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	219.228,71	451.054,02

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 35.842.829.574 VND (số đầu năm là 25.298.461.055 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 573.485.273 VND (năm trước giảm/tăng 404.775.377 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.564.316.399	-	1.575.070.024	-
Phải thu khách hàng	34.693.748.930	(1.020.383.175)	42.963.785.435	(110.837.175)
Các khoản phải thu khác	509.264.881	-	90.970.253	-
Cộng	40.767.330.210	(1.020.383.175)	44.629.825.712	(110.837.175)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	11.576.986.945	17.951.962.001
Vay và nợ	35.842.829.574	25.298.461.055
Các khoản phải trả khác	1.017.416.570	798.735.513
Cộng	48.437.233.089	44.049.158.569

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập biểu

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(76.363.636)	26.119.630.702	11.038.279.471	117.081.546.537
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	27.778.380.000	76.363.636	(27.854.743.636)	-	-
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	(31.818.182)	-	-	(31.818.182)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.011.317.306	10.011.317.306
Trích lập các quỹ	-	-	1.739.231.000	(2.994.334.333)	(1.255.103.333)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.040.000.000)	(8.040.000.000)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	(110.400.000)	(110.400.000)
Số dư cuối năm trước	107.778.380.000	(31.818.182)	4.118.066	9.904.862.444	117.655.542.328
Số dư đầu năm nay	107.778.380.000	(31.818.182)	4.118.066	9.904.862.444	117.655.542.328
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.225.171.502	10.225.171.502
Trích lập các quỹ	-	-	961.467.000	(2.689.917.000)	(1.728.450.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.199.595.784)	(7.199.595.784)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	(110.400.000)	(110.400.000)
Số dư cuối năm nay	107.778.380.000	(31.818.182)	965.585.066	10.130.121.162	118.842.268.046

Đơn vị tính: VND



ngày 29 tháng 02 năm 2020

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND				
	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi	Lĩnh vực lương thực thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.020.016.698	246.852.137.079	58.841.015.377	-	416.713.169.154
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	727.801	1.896.348.642	(1.897.076.443)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.020.016.698	246.852.864.880	60.737.364.019	(1.897.076.443)	416.713.169.154
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.565.399.800	31.154.107.006	8.062.417.238	-	53.781.924.044
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(37.951.193.594)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					15.830.730.450
Doanh thu hoạt động tài chính					247.424.075
Chi phí tài chính					(4.426.862.296)
Thu nhập khác					1.324.079.549
Chi phí khác					(155.000.000)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.595.200.276)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	850.474.611	611.084.007	90.993.982	-	1.552.552.600
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.128.759.027	2.026.791.969	619.309.139	-	6.774.860.135
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1.406.885.451	-	-	-	1.406.885.451

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi	Lĩnh vực lương thực thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.864.904.309	381.275.347.342	57.360.340.281	-	547.500.591.932
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	3.169.558.778	(3.169.558.778)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.864.904.309	381.275.347.342	60.529.899.059	(3.169.558.778)	547.500.591.932
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.465.836.659	29.701.913.387	9.104.355.838	-	55.272.105.884
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(41.517.230.452)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.754.875.432
Doanh thu hoạt động tài chính					275.843.308
Chi phí tài chính					(3.227.444.248)
Thu nhập khác					1.834.117.216
Chi phí khác					(115.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.511.074.402)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.011.317.306
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.236.681.538	1.755.478.790	585.605.103	-	3.577.765.431
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.033.325.056	2.014.861.430	554.641.060	-	6.602.827.546
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	360.364.581	-	-	-	360.364.581

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi	Lĩnh vực lương thực thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.355.246.497	95.848.606.585	20.176.703.133	-	173.380.556.215
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					7.726.684.162
Tổng tài sản					181.107.240.377
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.657.199.481	1.761.539.156	127.565.000	-	18.546.303.637
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					43.718.668.694
Tổng nợ phải trả					62.264.972.331
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.671.266.835	89.731.062.015	22.799.600.731	-	171.201.929.581
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.923.589.816
Tổng tài sản					175.125.519.397
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	17.918.201.284	4.273.420.752	4.209.063.464	-	26.400.685.500
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					31.069.291.569
Tổng nợ phải trả					57.469.977.069

Nguyễn Thị Thanh Phụng
Người lập

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng



Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc